

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao
trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thể dục thể thao là cơ quan trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý nhà nước và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về thể dục, thể thao trong phạm vi cả nước.

2. Tổng cục Thể dục thể thao có tư cách pháp nhân, có con dấu hình Quốc huy, là đơn vị dự toán ngân sách cấp II và có tài khoản riêng tại Kho bạc nhà nước.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Tổng cục Thể dục thể thao thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định:

a) Các dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự thảo nghị quyết, nghị định của Chính phủ về thể dục, thể thao và các dự án, đề án khác theo phân công của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Chiến lược, quy hoạch tổng thể, chương trình quốc gia phát triển thể dục, thể thao và các dự án, công trình quan trọng quốc gia về thể dục, thể thao; các dự thảo quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về thể dục, thể thao;

c) Việc đàm phán, ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về thể dục, thể thao.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt, ban hành:

a) Kế hoạch dài hạn, năm năm và hàng năm phát triển thể dục, thể thao và các đề án, dự án về thể dục, thể thao;

b) Các dự thảo quyết định, chỉ thị, thông tư về thể dục, thể thao;

c) Các quy định về quản lý hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao cho người khuyết tật và thể thao giải trí;

d) Các quy định về quản lý hoạt động thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp;

đ) Quy định điều kiện, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của các công trình thể dục, thể thao, trang thiết bị tập luyện, thi đấu của các cơ sở thể dục, thể thao và của các môn thể thao;

e) Kế hoạch phối hợp hoạt động giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội ở Trung ương trong việc thực hiện các nhiệm vụ về thể dục, thể thao;

g) Các chủ trương, biện pháp cụ thể và chỉ đạo việc thực hiện cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật.

3. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và các dự án, đề án về thể dục, thể thao sau khi được phê duyệt theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

4. Về hợp tác quốc tế:

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế về thể dục, thể thao; các chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế về thể dục, thể thao; thực hiện hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật.

5. Về thể dục, thể thao cho mọi người:

a) Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao; hướng dẫn các phương pháp tập luyện thể dục, thể thao cho nhân dân phù hợp với lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, sức khoẻ và tình trạng khuyết tật;

b) Hướng dẫn các ngành, các địa phương đào tạo, xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cộng tác viên thể dục, thể thao; phối hợp tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cộng tác viên thể dục, thể thao cơ sở;

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương khai thác, phổ biến các môn thể thao dân tộc, các phương pháp rèn luyện sức khỏe truyền thống ở trong và ngoài nước;

d) Chỉ đạo, tổ chức thi đấu thể thao quần chúng ở cấp quốc gia;

đ) Hướng dẫn và tổ chức kiểm tra, đánh giá sự phát triển của phong trào thể dục, thể thao quần chúng theo tiêu chí quy định.

6. Về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường:

Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ:

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục thể chất trong trường học;

b) Quy định tiêu chuẩn rèn luyện thân thể và đánh giá kết quả rèn luyện thân thể của người học;

c) Đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên thể dục, thể thao;

d) Quy định hệ thống thi đấu thể thao trường học.

7. Về thể dục, thể thao trong lực lượng vũ trang:

a) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc tổ chức hoạt động thể thao quốc phòng trong nhân dân;

b) Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ban hành tiêu chuẩn rèn luyện thể lực trong Quân đội nhân dân và Công an nhân dân; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên, quy định các giải thể thao trong lực lượng vũ trang.

8. Về thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

Tham mưu giúp Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quản lý hoạt động thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp:

a) Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách đối với vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

b) Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức đại hội thể thao, giải vô địch từng môn thể thao khu vực, châu lục và thế giới tổ chức tại Việt Nam, đại hội thể dục, thể thao toàn quốc; quy định quyền sở hữu đối với giải thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp;

c) Trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành quy định tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục phong đẳng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định trình tự, thủ tục thành lập đoàn thể thao quốc gia và đội thể thao quốc gia từng môn;

đ) Hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao;

e) Hướng dẫn đăng ký hoạt động của các cơ sở thể thao thành tích cao, thể thao chuyên nghiệp;

g) Đề xuất việc phong tặng danh hiệu vinh dự đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao có thành tích xuất sắc.

9. Tổ chức, triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và y học trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

10. Thực hiện quản lý đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật.

11. Tổ chức thực hiện các dự án đầu tư thuộc Tổng cục Thể dục thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật.

12. Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thể dục, thể thao; tổ chức việc xây dựng các sản phẩm tuyên truyền, quảng bá hoạt động thể dục thể thao ở trong và ngoài nước theo phân công của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

13. Thực hiện cải cách hành chính theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính được Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt.

14. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, phối hợp thanh tra, thực hiện phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ tiền lương và chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động thuộc Tổng cục Thể dục thể thao; phối hợp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người làm công tác thể dục, thể thao theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quy định của pháp luật.

16. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Thể dục thể thao quần chúng.
2. Vụ Thể thao thành tích cao.
3. Vụ Hợp tác quốc tế.
4. Vụ Tài chính.
5. Vụ Tổ chức cán bộ.
6. Văn phòng.
7. Viện Khoa học Thể dục thể thao.
8. Tạp chí Thể thao.
9. Báo Thể thao Việt Nam.
10. Khu Liên hợp Thể thao quốc gia.
11. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội.
12. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
13. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Đà Nẵng.

14. Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Cần Thơ.
15. Trung tâm Thông tin Thể dục thể thao.
16. Trung tâm Thể thao Ba Đình.
17. Bệnh viện Thể thao Việt Nam.
18. Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam.

Vụ Thể dục thể thao quần chúng, Vụ Thể thao thành tích cao và Văn phòng được tổ chức phòng.

Tại Điều này, các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 6 là các tổ chức hành chính, giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 7 đến khoản 18 là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao (đã được quy định tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, đổi tên, giải thể, sắp xếp, tổ chức lại các tổ chức hành chính của Tổng cục Thể dục thể thao.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập, giải thể, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp khác trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Tổng cục Thể dục thể thao có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.

2. Tổng cục trưởng và các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo quy định của pháp luật.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng cục Thể dục thể thao.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục Thể dục thể thao. Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

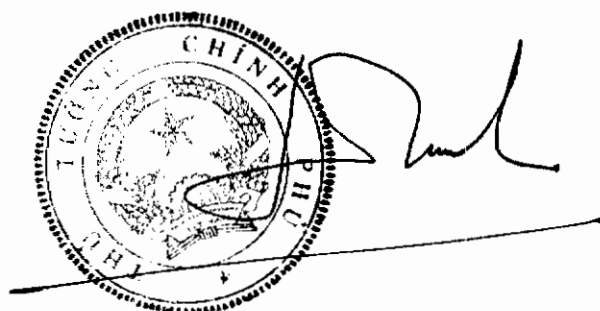
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của QH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b).Hà 205

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng